TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **05**/2025/QĐST-KDTM	*Hưng Yên, ngày 25 tháng 09 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thuấn và ông Trịnh Đình Động

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2025/TLST-KDTM ngày 26/6/2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện; không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hồng Quang – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên.

Người được ủy quyền: Ông Ngô Đức Thuận – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Ân Thi Hưng Yên.

- Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1957 và anh Vũ Văn V, sinh năm 1994

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Văn Cao, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: thôn Đặng Xuyên, xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên (địa chỉ cũ: thôn Đặng Xuyên, xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Vũ Thị L và anh Vũ Văn V xác nhận còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201405039 ngày 27/12/2014 tính đến ngày 25/9/2025 là 153.001.000 đồng (trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 53.001.000 đồng) và Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201702879 ngày 12/12/2017 tính đến ngày 25/9/2025 là 844.876.713 đồng (trong đó nợ gốc: 400.000.000 đồng, lãi trong hạn 309.917.808 đồng, lãi quá hạn: 134.958.905 đồng).

2.2 Hai bên thống nhất việc bà Vũ Thị L và anh Vũ Văn V trả nợ theo lộ trình như sau: Ngày 31/12/2025 có nghĩa vụ trả 50.000.000 đồng; Ngày 30/4/2026 có nghĩa vụ trả 40.000.000 đồng; Ngày 31/7/2026 trả 60.000.000 đồng; Ngày 31/10/2026 có nghĩa vụ trả 60.000.000 đồng; Ngày 31/12/2026 có nghĩa vụ trả 40.000.000 đồng; Ngày 30/4/2027 có nghĩa vụ trả 40.000.000 đồng; Ngày 31/7/2027 có nghĩa vụ trả 60.000.000 đồng; ngày 31/10/2027 có nghĩa vụ trả 60.000.000 đồng; Ngày 31/12/2027 tất toán toàn bộ dư nợ còn lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam bao gồm toàn bộ số nợ gốc còn lại là 90.000.000 đồng và toàn bộ lãi tính đến ngày 25/9/2025, lãi phát sinh tính từ ngày 26/9/2025 trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201405039 ngày 27/12/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2409LAV201702879 ngày 12/12/2017.

Trong trường hợp bà L, anh V vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét các thủ tục kê biên và phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 21, tờ bản đồ số 20, diện tích 196m^2, địa chỉ thôn Đặng Xuyên, Đặng Lễ, Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Đặng Xuyên, xã Nguyễn Trãi, Hưng Yên) đã được UBND huyện Ân Thi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR602941, số vào sổ cấp GCN: CH00114, cấp ngày 04/7/2014 đứng tên bà Vũ Thị L cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 12/12/2017 để thu hồi nợ. Nếu khối tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà L, anh V phải tiếp tục trả phần nợ còn lại cho Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay.

2.3. Về án phí: Bà L, anh V phải chịu 41.936.331 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, mỗi người phải chịu 20.968.166 đồng. Tuy nhiên, bà L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn án phí cho bà L. Anh V có đơn xin giảm án phí nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì, căn cứ Điều 13, 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, không đủ căn cứ để giảm án phí cho anh V, vì vậy anh V phải chịu án phí 20.968.166 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 22.000.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0001535 ngày 26/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Hưng Yên).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 1;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh;*
- *Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án tỉnh;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*

Hoàng Thị Ái